

Số: 5590/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 16 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 2680/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1980;
Số căn cước công dân: 079180018895, cấp ngày 03/11/2021;
Địa chỉ: Số A T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Lê Xuân Quang H1, sinh năm 1979;
Số căn cước công dân: 079079005291, cấp ngày 15/9/2017;
Địa chỉ: Số A T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; 56; 57 ; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 05 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 05 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê Xuân Quang H1.

Quan hệ hôn nhân của bà H và ông H1 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29, do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/4/2021 chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Bà H và ông Q xác nhận trong quá trình chung sống ông bà có 01 con chung là Lê Trọng N, sinh ngày 22/10/2021. Giao trẻ N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ N với mức cấp dưỡng 3.500.000đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt hoặc có căn cứ thay đổi theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định thì hàng tháng người phải thi hành án còn chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng.

Các bên thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết hai bên đều có thể xin thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền và nghĩa vụ của bà H và ông H1 về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung được thực hiện theo qui định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

2.2 Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông H1 xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng, bà H tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0067369 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức lập ngày 19 tháng 11 năm 2024.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức;

- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;

- Lưu.

THẨM PHÁN

L Nguyễn Ngọc Hiếu

